

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HN-ST

Ngày: 30-01-2018

”V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Châu Phương

2. Ông Nguyễn Văn Phong

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 342/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị G, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Chị G có mặt, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2017 và tại phiên tòa, chị Mai Thị G trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc H do quen biết nhưng tự nguyện tiến đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã A cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2003. Do trong quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường hay bất đồng quan điểm do cuộc sống gặp khó khăn do không có đất sản xuất, chỉ có nền nhà để ở nhưng anh H không lo làm ăn, thu nhập chính đều do chị và người con lớn đi làm thuê có, chị khuyên nhưng anh H không sửa đổi nên chị bỏ đi làm từ khoảng tháng 9/2017, không còn sống chung cho đến nay. Nay kiên quyết xin ly hôn.

2. Về con chung: Trần Ngọc M, sinh ngày 17/3/1995 đã trưởng thành và Trần Ngọc Kh, sinh ngày 03/8/2004. Khi ly hôn, chị xin được nuôi con. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

- Bị đơn là anh Trần Ngọc H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt sự triệu tập của Tòa, bị đơn vắng mặt không lý do.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị G; con chung: Trần Ngọc M, sinh ngày 17/3/1995 đã trưởng thành và Trần Ngọc Kh, sinh ngày 03/8/2004, cháu Kh có nguyện vọng sống với chị G đề nghị xem xét để chị G trực tiếp nuôi con. Tài sản chung chị G không yêu cầu đề nghị không giải quyết. Nợ chung trình bày không có đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Mai Thị G, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”; Trong đó xác định chị Mai Thị G là nguyên đơn, anh Trần Ngọc H là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trần Ngọc H đã được triệu tập họp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có đơn xin vắng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị G, thấy rằng:

Do trong quá trình sống chung, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng nhưng không có hướng giải quyết tích cực dẫn đến việc chị G bỏ đi, sau đó làm đơn xin ly hôn với anh H. Cụ thể: Chị G cho rằng anh H không lo làm kinh tế, thu nhập chính của gia đình do chị và người con trai lớn đảm nhận, vợ chồng thường xảy ra cãi vã qua lại, nay không thể hàn gắn, đoàn tụ nên xin ly hôn.

Khi thực hiện xác minh, ông Mai Ngọc Sương là cha ruột của anh H cho biết: Giữa chị G và anh H không xảy ra cãi cả nhưng chị G tự ý bỏ đi không về thăm nhà, ở đâu ông cũng không rõ, ông hỏi thăm biết được chị G trốn nợ người

khác. Trước đây chị G cũng bỏ đi 04 - 05 lần. Theo ông biết, anh H cũng bất mãn nên cũng không muốn hàn gắn.

Quá trình xác minh tại chính quyền địa phương, Trưởng ấp A cho biết thông tin: Tổ nhân dân tự quản nơi chị G và anh H sinh sống không tiếp nhận bất kỳ thông tin và cũng không nắm rõ mâu thuẫn giữa chị G và anh H.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh H thực tế đã diễn ra và đã đến mức trầm trọng, cả hai không còn sống chung, việc hàn gắn đoàn tụ là không thể, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H cũng không đến Tòa để hòa giải với chị G mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần điều đó chứng minh anh H không có thiện chí hàn gắn với chị G. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị G là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Trần Ngọc M, sinh ngày 17/3/1995, đã trưởng thành, chị G trình bày con đã đi làm có thể tự lo, không đề cập vấn đề cấp dưỡng nên không xem xét; Trần Ngọc Kh, sinh ngày 03/8/2004, chị G xin được nuôi con. Khi hỏi ý kiến cháu Kh cũng đề nghị được sống với mẹ. Anh H không đến Tòa nên không có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Kh cho chị G trực tiếp nuôi là phù hợp. Chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị G không yêu cầu. Anh H vắng mặt không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị G trình bày không có. Anh H vắng mặt không có lời trình bày, không xem xét.

Các bên không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự đối với yêu cầu xin ly hôn, chị G chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 217, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị G.

Cụ thể tuyên:

1/ Chị Mai Thị G được ly hôn anh Trần Ngọc H.

2/ Về con chung:

- Trần Ngọc M, sinh ngày 17/3/1995, đã trưởng thành.

- Trần Ngọc Kh, sinh ngày 03/8/2004. Sau khi ly hôn, chị Mai Thị G trực tiếp nuôi. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị G không yêu cầu. Anh H vắng mặt không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị G trình bày không có. Anh H vắng mặt không có lời trình bày, không xem xét.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét

5/ Về án phí dân sự không có giá ngạch (đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) chị Mai Thị G phải chịu nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011742 ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS h. Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thúy Hằng